

Số /PA-HĐBTGPMB Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn 2, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn

Căn cứ Luật Đất đai 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/2/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc sửa đổi tên gọi và một số điều của Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 7353/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn 2, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Trích lục địa chính khu đất số 66/TLĐCKĐ ngày 20/11/2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, huyện Triệu Sơn lập;

Căn cứ số liệu kiểm kê, dự toán bồi thường GPMB và phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn 2, xã Thọ Tân do Hội đồng GPMB lập;

Hội đồng BTGPMB lập phương án bồi thường GPMB dự án quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn 2 xã Thọ Tân, cụ thể các nội dung như sau:

1. Đối tượng: Các hộ gia đình, cá nhân có đất, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 7 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Thọ Tân.
- Số hộ có đất bị thu hồi: 7 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Thọ Tân.
- Số hộ phải bố trí tái định cư: Không.
- Số lượng mô mã phải di chuyển: Không.

2. Tổng diện tích đất thu hồi: 4.510,0 m² đất; trong đó đất trồng lúa (LUC): 4.278,3 m²; đất mặt nước chuyên dùng (MNC): 27,4 m²; đất thủy lợi (DTL): 42,1 m²; đất giao thông (DGT): 162,2 m².

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng

3.1. Bồi thường một vụ Lúa

Áp dụng các Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Đối với các hộ bị thu hồi đất trồng Lúa: Được bồi thường 1 vụ Lúa, đơn giá bồi thường Lúa là: 5.000 đ/m².

3.2. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất trồng Lúa bị thu hồi thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền, cụ thể:

- Bồi thường đất trồng Lúa

+ Đơn giá bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi: Áp dụng theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019, Quyết định số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh.

+ Vị trí các thửa đất thu hồi: Vị trí 1.

+ Giá đất bồi thường: 40.000đ/1 m².

- Các chính sách hỗ trợ: Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh, các chính sách hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc bồi thường bằng tiền 40.000đ/1m² còn được hỗ trợ chuyển đổi

nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm với mức hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi ($40.000 \times 1,5 = 60.000\text{đ}/1\text{m}^2$).

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

Các hộ bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

Các hộ bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 10.000 đồng/kg.

3.3. Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc trên đất: Không.

3.4. Bồi thường cây cối, hoa màu: Áp dụng các Quyết định của UBND tỉnh số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021.

4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 478.401.930 đồng (Bốn trăm bảy tám triệu, bốn trăm không một nghìn, chín trăm ba mươi đồng); trong đó:

- Bồi thường về đất:	171.132.000 đồng.
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	256.698.000 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	19.800.000 đồng.
- Bồi thường cây cối hoa màu:	21.391.500 đồng.
- Chi phí thực hiện GPMB:	9.380.430 đồng.

(Chi tiết có Biểu tổng hợp kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: Do UBND xã Thọ Tân bố trí.

6. Tiến độ thực hiện: Quý III, năm 2021.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- UBND xã Thọ Tân;
- Lưu: VT, HDGPMB.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**PCT UBND HUYỆN
Lê Phú Quốc**

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB

Quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn 2, xã Thọ Tân

(Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBTGPMB ngày / /2021 của Hội đồng BTGPMB huyện)

TT	Số hồ sơ	Họ và tên	Địa chỉ	Loại đất thu hồi	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Thành tiền (đồng)				
								Bồi thường hỗ trợ về đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây cối, hoa màu	Tổng
1	1	Lê Thị Thúy	Thôn 2	LUC	8	200	367.0	14,680,000	22,020,000	3,600,000	1,835,000	42,135,000
2	2	Nguyễn Thị Việt (Nghiêm)	Thôn 2	LUC	8	232	1,015.1	40,604,000	60,906,000	3,600,000	5,075,500	110,185,500
3	3	Trịnh Ngọc Tính	Thôn 2	LUC	8	271	836.9	33,476,000	50,214,000	5,400,000	4,184,500	93,274,500
4	4	Phan Công Minh (Thúy)	Thôn 2	LUC	8	314	333.6	13,344,000	20,016,000	0	1,668,000	35,028,000
5	5	Phan Công Phương (Xuyến)	Thôn 2	LUC	8	357	329	13,160,000	19,740,000	0	1,645,000	34,545,000
6	6	Lê Văn Luật (Gái)	Thôn 2	LUC	8	356	164.7	30,224,000	45,336,000	0	3,778,000	79,338,000
				LUC	8	390	590.9					
7	7	Lê Bá Hải	Thôn 2	LUC	8	429	641.1	25,644,000	38,466,000	7,200,000	3,205,500	74,515,500
8	8	UBND xã	Xã Thọ Tân	MNC	8	430	27.4	0	0	0	0	0
				DTL	8	355	42.1	0	0	0	0	0
				DGT	8	Không thửa	162.2	0	0	0	0	
I		Tổng				4,510.0	171,132,000	256,698,000	19,800,000	21,391,500	469,021,500	
II		Chi phí thực hiện GPMB (II) = (I)*2%									9,380,430	
III		Tổng cộng (III) = (I)+(II)									478,401,930	